|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 36/TBSB-BVTV | *Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2018* |

**­­­­­**

**THÔNG BÁO**

**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY**

**TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 31/8/2018 đến ngày 06/9/2018*)

**Phần thứ 1**

TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

**1. Các tỉnh Bắc bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| **Cây lúa** |  |  |
| Lúa mùa |  | 895.873 |
| *- Lúa mùa cực sớm - sớm* | Ôm đòng, trỗ - ngậm sữa |  |
| *- Lúa chính vụ - muộn* | Cuối đẻ - phân hóa đòng |  |
| *- Lúa nương, lúa 1 vụ* | Chắc xanh, đỏ đuôi – thu hoạch |  |
| - Ngô Hè Thu | Xoáy nõn, PT bắp – chín sáp | 146.572 |
| - Hoa | Phát triển thân lá – nụ, hoa | 3.040 |
| - Cam, quýt, bưởi | Phát triển quả - thu hoạch | 50.112 |
| - Nhãn, vải | Phát triển quả, t/hoạch – PT lộc | 74.805 |
| - Chè | Phát triển búp – thu hái | 92.500 |
| - Mía | Đẻ nhánh - vươn lóng | 14.532 |
| - Sắn | Phát triển thân lá – củ | 76.821 |
| - Cà phê | Phát triển quả | 23.798 |
| - Cao su | Thu hoạch nhựa | 18.461 |
| - Tre, luồng, vầu | Kinh doanh | 3.200 |
|  |  |  |

**2. Các tỉnh Bắc Trung bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa Hè Thu | Làm đòng- Trỗ- N.Sữa- chín, TH | 329.212 |
| - Ngô | Cây con - trỗ cờ | 18.967 |
| - Lạc | Cây con - phân nhánh | 1.948 |
| - Rau các loại | Cây con - PT thân lá - TH | 15.492 |
| - Cam, chanh, bưởi | Phát triển quả | 21.433 |
| - Mía | Vươn lóng | 54.208 |
| - Hồ tiêu | Thu hoạch | 3.656,5 |
| - Cà phê | PT quả | 5.624 |
| - Cao su | KTCB - KD | 11.538 |
| - Chè | PT thân lá, củ | 44.073 |
| - Cây sắn | KTCB - KD | 83.756 |
| - Đậu các loại | Thu hoạch | 8.428 |

**3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa: |  | **381.320** |
| *Lúa Xuân Hè* | *Thu hoạch xong* | 11.985 |
| *Lúa Hè Thu sớm* | *Thu hoạch xong* | 44.428 |
| *Lúa Hè Thu CV* | *Chín - thu hoạch* | 82.475 |
| *Lúa Hè Thu muộn* | *Đòng trỗ - ngậm sữa* | 85.725 |
| *Lúa mùa sớm* | *Thu hoạch* | 6.134 |
| *Lúa mùa CV* | *Ngậm sữa - chắc xanh* | 26.501 |
| *Lúa mùa muộn* | *Đòng trỗ - ngậm sữa* | 93.567 |
| *Lúa mùa (Bình Định)* | *Mạ - đẻ nhánh* | 5.163 |
| *Lúa cạn* | *Đẻ nhánh – trỗ* | 5.492 |
| *Lúa vụ 3* | *Đẻ nhánh - TKSK* | 19.833 |
| - Cây cà phê | Phình to quả - chắc quả | 624.993 |
| - Tiêu | Nuôi quả | 95.456 |
| - Cây điều | Phát triển thân lá | 115.917 |
| - Cao su | Khai thác mủ | 296.579 |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 51.840 |
| - Đậu đỗ Hè Thu | Quả già - thu hoạch | 55.065 |
| - Lạc Hè Thu | Quả già - thu hoạch | 10.031 |
| - Ngô Hè Thu | Thâm râu - thu hoạch | 167.546 |
| - Cây sắn | PTTL - nuôi củ | 223.453 |
| - Mía | Đẻ nhánh - vươn lóng - tạo đường | 113.516 |
| - Thanh Long | Nuôi quả - trái chín | 28.916 |
| - Sầu riêng | Cuối thu hoạch | 11.178 |
| - Cây chè | Búp non - thu hoạch | 13.691 |
| - Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 10.998 |

**4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa Hè Thu 2018 |  | **1.672.490** |
|  | *Thu hoạch xong* | *1.246.729* |
|  | *Trỗ - chín* | *425.761* |
| - Lúa Thu Đông- Mùa 2018 |  | **584.632** |
|  | *Mạ* | *161.091* |
|  | *Đẻ nhánh* | *98.134* |
|  | *Đòng - trỗ* | *154.197* |
|  | *Chín* | *165.189* |
|  | *Thu hoạch* | *6.021* |
| - Cây ngô | Cây con - PT thân lá | 26.250 |
| - Cây có múi | Nuôi quả - thu hoạch | 103.453 |
| - Cây thanh long | Ra hoa - thu hoạch | 18.875 |
| - Cây nhãn | Ra cơi, ra đọt | 30.353 |
| - Cây cà phê | Ra hoa – PT quả | 22.640 |
| - Cây hồ tiêu | PT quả – nuôi trái | 31.595 |
| - Cây điều | PT thân lá | 50.388 |
| - Cây dừa | PT quả – thu hoạch | 151.514 |
| - Cây sắn | Phát triển – thu hoạch | 48.410 |
| - Cây mía | Đẻ nhánh – vươn lóng | 33.180 |

**Phần thứ 2**

**SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG**

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

**1.1. Cây lúa**

***- Rầy hại lúa****:* Diện tích nhiễm 43.965 ha (tăng 6.758 ha so với kỳ trước, tăng 26.201 ha so với CKNT), nhiễm nặng 3.554 ha, mất trắng 4,8 ha, phòng trừ 59.466 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.

***- Bệnh VL, LXL***: diện tích nhiễm 158 ha (tương đương với tuần trước, giảm 1.875 ha so với CKNT). Bệnh xuất hiện và gây hại tại tỉnh Kiên Giang.

***Kết quả test Elisa:*** phát hiện 4/95 mẫu nhiễm virus VL-LXL, chiếm tỷ lệ 4,21%. Các mẫu này được lấy tại các tỉnh Bến Tre, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An.

***- Bệnh lùn sọc đen:*** Diện tích nhiễm 723,2 ha (tăng 273,1 ha so với kỳ trước, giảm 13.141,2 ha so với cùng kỳ năm trước), nhiễm nặng 61,1 ha. Phân bố tại Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Bình, Ninh Bình, Bắc Kạn, Hải Phòng, Thái Bình, Hòa Bình...

***- Bệnh đạo ôn***

*+ Bệnh đạo ôn hại lá:* Diện tích nhiễm 5.110 ha (giảm 3.017 ha so với kỳ trước, tăng 1.391 ha so với CKNT), nhiễm nặng 04 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Sóc Trăng, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Bạc Liêu,…

*+ Bệnh đạo ôn cổ bông:* Diện tích nhiễm 4.416 ha (giảm 550 ha ha so với kỳ trước, tăng 1.573 ha so với CKNT), nhiễm nặng 01 ha, phòng trừ 1.109 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Hậu Giang, Trà Vinh, Tây Ninh, Long An…

- ***Sâu đục thân***: Diện tích nhiễm 1.494 ha (giảm 230 ha so với kỳ trước, tăng 451 ha so với CKNT), nhiễm nặng 02 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc Bộ.

***- Sâu cuốn lá nhỏ:*** Diện tích nhiễm 33.297 ha (tăng 16.299 ha so với kỳ trước, giảm 73.146 ha so với CKNT), nhiễm nặng 10.893 ha, phòng trừ 37.538 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 17.186 ha (giảm 6.910 ha so với kỳ trước, giảm 9.676 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.714 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ và Bắc bộ.

***- Bệnh đốm sọc vi khuẩn***: Diện tích nhiễm 4.654 ha (tăng 2.619 ha so với kỳ trước, giảm 2.010 ha so với CKNT), nhiễm nặng 692 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ.

***- Bệnh khô vằn***: Diện tích nhiễm 127.069 ha (tăng 9.108 ha so với kỳ trước, giảm 5.280 ha so với CKNT), nhiễm nặng 9.188 ha, phòng trừ 118.060 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ.

***- Bệnh đen lép hạt:*** Diện tích nhiễm 13.144 ha (giảm 8.725 ha so với kỳ trước, tăng 1.452 ha so với CKNT), nhiễm nặng 146 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Nam bộ.

***- Chuột****:* Diện tích hại 15.608 ha (giảm 1.271 ha so với kỳ trước, tăng 1.081 ha so với CKNT), nặng 1.311 ha, mất trắng 3,2 ha (Hải Phòng, Hà Nội). Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.

***- Ốc bươu vàng****:* Diện tích hại 1.537 ha (tăng 111 ha so với kỳ trước, giảm 1.418 ha so với CKNT). Tập trung tại các tỉnh Nam bộ và Duyên Hải miền Trung.

Các đối tượng sinh vật khác gây hại nhẹ như: Sâu năn (381 ha), Bọ trĩ (293 ha), nhện gié (450 ha), bệnh vàng lá sinh lý (599 ha), bệnh vàng lá di động (33 ha, nhiễm nặng 01 ha, mất trắng 0,5 ha), bệnh đốm nâu (641 ha), bệnh chết cây (568 ha, nhiễm nặng 33 ha)…

**1.2. Các loại rau, màu:** Bệnh xoăn lá virus trên cây cà chua (803 ha, nhiễm nặng 269 ha), bệnh sưng rễ (509 ha, nhiễm nặng 05 ha), bệnh mốc sương (647 ha), sâu tơ (656 ha), bệnh thối nhũn (210,5 ha, nhiễm nặng 38 ha), sâu tơ (583 ha)…

**1.3. Cây nhãn, vải*:*** Bệnh chổi rồng nhãn diện tích nhiễm 4.423 ha (giảm 108 ha so với kỳ trước, giảm 2.206 ha so với CKNT), nhiễm nặng 650 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

**1.4. Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 7.028 ha (tăng 286 ha so kỳ trước, tăng 1.651 ha so với CKNT), nhiễm nặng 85 ha, phòng trừ 7.244 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

**1.5. Cây ăn quả có múi:** Bệnh Greening diện tích nhiễm 2.623 ha (giảm 12 ha so với kỳ trước, giảm 478 ha so với CKNT), nặng 66 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Phước, Nghệ An.

**1.6. Cây dừa:** Bọ cánh cứng hại diện tích 9.972 ha (giảm 34 ha so với kỳ trước, giảm 1.203 ha so với CKNT), nặng 846 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Trà Vinh, Tp. Hồ Chí Minh.

**1.7. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng rễ***: Diện tích nhiễm 4.423 ha (giảm 123 ha so với kỳ trước, giảm 985 ha so với CKNT), nhiễm nặng 627 ha, phòng trừ 1.724 ha. Tập trung tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Phú Yên…

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 5.324 ha (giảm 254 ha so với kỳ trước, tăng 337 ha so CKNT), nhiễm nặng 1.431 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước, Đồng Nai, Kiên Giang, Phú Yên…

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 1.960 ha (tăng 51 ha so với kỳ trước, tăng 999 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.081 ha, phòng trừ 1.047 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Đồng Nai, Bình Thuận, Phú Yên, Bình Phước...

**1.8. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành:*** Diện tích nhiễm 12.722 ha (tăng 640 ha so với kỳ trước, giảm 341 ha so CKNT), nhiễm nặng 72 ha, phòng trừ 11.000 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Đồng Nai...

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 8.191 ha (giảm 430 ha so với kỳ trước, tăng 632 ha so CKNT), nhiễm nặng 30 ha, phòng trừ 10.447 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Gia Lai...

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 4.894 ha (giảm 224 ha so với kỳ trước, tăng 2.654 ha so CKNT), nhiễm nặng 1.115 ha, phòng trừ 3.282 ha. Tập trung tại Lâm Đồng.

**1.9. Cây chè**

***Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 2.975 ha (giảm 241 ha so với kỳ trước, giảm 1.008 ha so với CKNT), phòng trừ 1.319 ha. Phân bố tại các tỉnh Lâm Đồng, Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái…

**1.10. Cây sắn (mì):** Bệnh khảm lá virus, diện tích nhiễm 21.723,9 ha (giảm 1.203 ha so với kỳ trước, tăng 16.855 ha so với CKNT), nặng 6.634,9 ha. Đến nay, đã vận động nông dân cày tiêu hủy 265,4 ha (Tây Ninh: 143,2 ha, BR-Vũng Tàu: 120,9 ha và Ninh Thuận 1,3 ha và 24.000 hom giống).

Bệnh đã xuất hiện và gây hại tại: Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Đắk Lắk, Ninh Thuận và Phú Yên.

**1.11. Châu chấu tre**

***- Tre, luồng, vầu:*** Diện tích nhiễm 114 ha(giảm 60 ha so với kỳ trước, giảm 76,8 ha so với CKNT). Chấu chấu tre xuất hiện và gây hại tại các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Cao Bằng,..

**2. Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện**

- Tiếp tục chỉ đạo các tỉnh trồng sắn trong cả nước, đặc biệt các tỉnh đã phát hiện bệnh khảm lá sắn thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn. Tăng cường công tác tác kiểm dịch thực vật nhập khẩu và kiểm dịch thực vật nội địa hạn chế thấp nhất sự lây lan của nguồn bệnh.

- Chỉ đạo các tỉnh phía Bắc thực hiện tốt Công điện số 5906/CĐ-BNN-BVTV ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc chỉ đạo phòng chống rầy lưng trắng, bệnh lùn sọc đen hại lúa vụ Mùa tại một số tỉnh phía Bắc và công văn số 3840/BNN-BVTV ngày 21/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phòng chống bệnh lùn sọc đen hại lúa vụ Hè Thu, vụ Mùa năm 2018. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy lưng trắng và giám sát chặt chẽ và xử lý triệt để đối với các diện tích lúa đã xuất hiện bệnh lùn sọc đen.

- Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục theo dõi diễn biến của rầy nâu vào đèn, xác định cao điểm rầy nâu di trú để chỉ đạo xuống giống vụ Thu Đông - Mùa “né rầy” hiệu quả. Lấy mẫu, kiểm tra, xác định tỷ lệ rầy nâu nhiễm virus VL, LXL phục vụ công tác chỉ đạo. Thực hiện tốt văn bản số 4239/BNN-BVTV, ngày 04/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL, LXL hại lúa.

- Chỉ đạo các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc kiểm tra, phát hiện và chủ động phòng chống châu chấu tre di cư. Các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam bộ chủ động biện pháp phòng chống các SVGH như: bọ xít muỗi, bệnh thán thư trên cây điều; bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt và rệp sáp hại trên cà phê; bệnh nứt thân xì mủ trên cây sầu riêng...

- Chỉ đạo các địa phương chủ động phòng chống bệnh đốm nâu hại thanh long; bệnh chổi rồng hại nhãn, bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu, bệnh khô cành trên cây cà phê; bọ cánh cứng hại dừa, bệnh trắng lá mía…

**II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG**

**1. Trên lúa**

***1.1. Các tỉnh phía Bắc***

- Sâu cuốn lá nhỏ: Trưởng thành lứa 7 tiếp tục vũ hóa. Trứng nở, sâu non hại chủ yếu trên diện lúa cấy muộn, lúa cấy lại, diện xanh tốt.

**-** Rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ: Tiếp tục gây hại diện rộng trên các trà lúa và trên các giống nhiễm, hại nặng trên các diện tích chưa được phòng trừ.

- Sâu đục thân 2 chấm: Trưởng thành lứa 5 tiếp tục vũ hóa và đẻ trứng. Sâu non gây bông bạc trên trà lúa sớm, gây hại dảnh héo trên trà lúa chính vụ - muộn.

- Bệnh lùn sọc đen: tiếp tục phát sinh gây hại, nhất là ở giai đoạn lúa phát triển đòng và những vùng có áp lực bệnh cao năm 2017 như các tỉnh như Hòa Bình, Ninh Bình, Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Kạn,…

- Bệnh bạc lá: Tiếp tục tăng trên giống nhiễm, sau các đợt mưa giông.

- Bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông: Tiếp tục hại diện hẹp trên các giống nhiễm chủ yếu ở một số tỉnh miền núi.

- Chuột, bệnh khô vằn, bệnh đốm sọc vi khuẩn hại tăng; bọ xít dài, bệnh vàng lụi, vàng lùn… tiếp tục hại.

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

- Bệnh lùn sọc đen: Tiếp tục gây hại trên lúa Mùa tại Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị. Bệnh có khả năng phát sinh gây hại gia tăng trên lúa Mùa muộn tại các huyện miền núi và ven biển của Nghệ An, Thanh Hóa.

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Tiếp tục phát sinh và gây hại trên diện rộng trên lúa Mùa giai đoạn lúa làm đòng, trổ nếu không chủ động phòng trừ kịp thời.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Sâu non tiếp tục phát sinh gây hai trên trà lúa Mùa giai đoạn đứng cái, làm đòng.

- Các đối tượng dịch hại như: chuột, khô vằn, bệnh bạc lá VK ...tiếp tục phát sinh gây hại xu hướng tăng trên lúa Mùa giai đoạn đứng cái – đòng trỗ.

**1.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt, bệnh chết cây... gia tăng gây hại trên lúa Hè Thu muộn, lúa Mùa ở giai đoạn ngậm sữa đến chín.

- Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân... tiếp tục gây hại trên lúa vụ 3 ở giai đoạn đẻ nhánh.

- Bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông phát sinh hại cục bộ trên lúa Mùa ở Tây Nguyên và các huyện miền núi, đồng bằng các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận.

- Chuột: Gây hại nhẹ rải rác ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh, tập trung vùng ven làng, đồi gò những nơi phòng trừ chưa tốt.

- OBV: Gây hại nhẹ rải rác lúa mùa ở giai đoạn mạ ở Bình Định.

**1.4. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

- Rầy nâu: phổ biến tuổi 2-3. Theo dõi diễn biến của rầy nâu trên đồng ruộng để có biện pháp quản lý tốt, không để lây lan diện rộng và truyền bệnh VL&LXL sang các trà lúa mới gieo sạ.

- Bệnh đạo ôn: Do thời tiết mưa nắng xen kẽ tạo ẩm độ không khí cao thuận lợi cho bệnh tiếp tục phát triển trên trà lúa ở giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trỗ.

- Ốc bươu vàng: gây hại nhẹ đến trung bình, trên lúa Thu Đông mới gieo sạ đến lúa dưới 15 ngày, hại nặng ở những vùng có mưa nhiều khó thoát nước. Những nơi chưa gieo sạ cần vệ sinh đồng ruộng thật kỹ và thu gom OBV hoặc xử lý bằng thuốc hóa học trừ ốc để hạn chế thiệt hại ngay từ đầu vụ.

***Lưu ý***: sâu cuốn lá nhỏ, bệnh bạc lá vi khuẩn, bệnh đen lép hạt, chuột ở giai đoạn đẻ nhánh đến trỗ chín. Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại thấp.

**2. Trên cây trồng khác**

- Cây sắn: Bệnh khảm lá sắn khả năng tiếp tục gia tăng diện tích gây hại, tập trung các tỉnh Đông nam bộ và Tây Nguyên.

- Cây rau màu: Sâu tơ, bệnh mốc sương, bệnh xoăn lá cà chua, bệnh sưng rễ... tiếp tục gây hại. Cục bộ hại nặng.

- Cây nhãn: bệnh chổi rồng tiếp tục gây hại.

- Cây thanh long: bệnh đốm nâu, bệnh thán thư, … tiếp tục gây hại.

- Cây có múi: Bệnh greening, sâu đục quả, sâu vẽ bùa tiếp tục gây hại.

- Cây hồ tiêu: tuyến trùng hại rễ và bệnh chết nhanh, chết chậm … tiếp tục gây hại.

- Cây điều: bọ xít muỗi và bệnh thán thư gây hại nhẹ.

- Cây dừa: bọ cánh cứng và bọ vòi voi tiếp tục gây hại.

- Cây cà phê: Bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt …tiếp tục gây hại.

- Cây mía: bệnh trắng lá, sâu đục thân… tiếp tục gây hại.

**Phần thứ 3**

**ĐỀ NGHỊ**

**1. Các tỉnh phía Bắc**

- Thực hiện nghiêm túc Công điện số 5906/CĐ-BNN-BVTV ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT và Công văn số 2067/BVTV-TV ngày 31/7/2018 của Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ đạo phòng chống rầy lưng trắng, bệnh lùn sọc đen hại lúa vụ Mùa 2018. Đối với các tỉnh đã xuất hiện triệu chứng bệnh lùn sọc đen trên lúa cần tiếp tục giám sắt chặt chẽ diễn biến của rầy lưng trắng và nghiêm túc thực hiện theo Quy trình kỹ thuật quản lý bệnh lùn sọc đen do Cục Bảo vệ thực vật ban hành tại công văn số 1317/BVTV-TV ngày 24/5/2018. Nhất là trên diện tích lúa muộn, lúa cấy lại do mưa, bão.

- Giám sát chặt chẽ diễn biến của rầy, tổ chức chỉ đạo phòng trừ cho diện tích lúa có mật độ rầy cao.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu cuốn lá nhỏ trên những diện tích lúa non do cấy lại, cấy muộn. Chủ động tổ chức phòng trừ cho những diện tích có mật độ sâu cao.

- Kiểm tra chặt chẽ mật độ ổ trứng sâu đục thân 2 chấm, nhất là trên diện tích lúa trỗ sớm, hoặc muộn trong vùng. Tổ chức phun trừ cho diện tích lúa có mật độ ổ trứng cao.

- Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân hạn chế bón đạm, tăng cường bón kali để hạn chế bệnh bạc lá phát sinh giai đoạn cuối vụ.

- Các tỉnh miền núi phía Bắc tăng cường điều tra phát hiện, theo dõi và chủ động phòng chống châu chấu tre hại cây trồng theo công văn số 547/BVTV-TV ngày 01/3/2018 và số 966/BVTV-TV ngày 12/4/2018 của Cục Bảo vệ thực vật.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến của các đối tượng SVGH chính trên cây rau màu, cây ăn quả, cây lâm nghiệp, xử lý khi mật độ sâu và tỷ lệ bệnh cao.

**2. Các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

Đề nghị Chi cục Trồng trọt và BVTV các tỉnh phân công cán bộ bám sát địa bàn tăng cường điều tra nắm bắt tình hình SVGH trên lúa Hè Thu, lúa Mùa, lúa vụ 3 và các cây trồng chính khác.

- Trên lúa: Chú ý rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt, bệnh đạo ôn... ở giai đoạn ngậm sữa đến chín; Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ... ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

- Trên cây cà phê theo dõi rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt... ở giai đoạn phình to và chắc quả và bọ cánh cứng ở giai đoạn kiến thiết cơ bản ở Kon Tum, Đắk Lắk, bọ xít muỗi trên cà phê chè ở Lâm Đồng; Trên cây hồ tiêu lưu ý bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng... giai đoạn nuôi quả; Trên cây điều theo dõi bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bệnh khô cành... hại giai đoạn phát triển thân lá; Trên cây thanh long theo dõi bệnh đốm nâu, nám vàng cành...Trên cây sầu riêng ở giai đoạn cuối thu hoạch cần chú ý bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...

- Trên cây sắn: Đề nghị Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các tỉnh trong vùng thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn đồng thời tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng chống, tiêu hủy nguồn bệnh khảm lá virus sắn trên diện tích đã phát hiện theo quy trình kỹ thuật của Cục BVTV, đồng thời điều tra rà soát kỹ toàn bộ diện tích trồng sắn ở các tỉnh Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đăk Lăk... tránh để lây lan diện rộng. Khuyến cáo nông dân không mua giống từ những vùng bị bệnh.

- Trên cây mía: Tuyên truyền, hướng dẫn phòng trừ tốt bệnh trắng lá ở Gia Lai, Khánh Hòa, Ninh Thuận theo quy trình của Cục BVTV đã ban hành, tránh để lây lan diện rộng.

- Tổ chức phòng chống các sinh vật gây hại có mật số và tỷ lệ hại cao hạn chế lây lan diện rộng.

**3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

- Theo dõi diễn biến các đối tượng SVGH trên lúa Thu Đông 2018. Tăng cường theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy nâu và kiểm tra tỷ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa Thu Đông nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh VL, LXL trên lúa Mùa 2018 và Đông Xuân 2018 – 2019 sắp tới. Thực hiện tốt văn bản số 4239/BNN-BVTV, ngày 04/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL,LXL hại lúa.

- Các tỉnh trồng sắn thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; điều tra phát hiện sớm những ruộng bị bệnh khảm lá sắn, để áp dụng biện pháp phòng chống phù hợp theo qui trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá sắn của Cục Bảo vệ thực vật.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình SVGH trên cây lúa và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý phù hợp.

Ngoài ra, các Trung tâm BVTV vùng tiếp tục nhân nuôi OKS bọ dừa và bọ đuôi kìm cung cấp cho các tỉnh. Các tỉnh trong cả nước thực hiện tốt các văn bản: số 315/BVTV-TV ngày 03/3/2017 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong điều kiện biến đổi khí hậu và văn bản số 2455/BVTV-TV ngày 19/10/2017 về việc tăng cường phòng trừ chuột bảo vệ mùa màng./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục BVTV;  - Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);  - Trung tâm BVTV vùng;  - Trung tâm tin học thống kê của Bộ;  - Báo NNVN; Đài VTC16;  - Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** | | 369**KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** |

**DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 31/8/2018 đến ngày 06/9/2018*)

| **TT** | **Tên dịch hại** | **Diện tích nhiễm (ha)** | | | | **DTN nhiễm so** | | **Diện tích phòng trừ (ha)** | **Phân bố tập trung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 5.110 | 5.106 | 4 |  | -3.017 | 1.391 |  | ST, LA, ĐT, KG, TG, BL, HG |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 4.416 | 4.415 | 1 |  | -550 | 1.573 | 1.109 | BL, ST, LA, ĐN, HG, TV, BT |
| 3 | Rầy hại lúa | 43.965 | 40.406 | 3.554 | 4,8 | 6.758 | 26.201 | 59.466 | Các tỉnh Bắc bộ |
| 4 | Sâu năn | 381 | 381 |  |  | -290 | 381 |  | KG, HG, BL |
| 5 | Sâu đục thân | 1.494 | 1.492 | 2 |  | -230 | 451 |  | Các tỉnh Bắc bộ |
|  | Sâu đục thân (ổ trứng) | 35.577 | 32.805 | 2.772 |  | 21.072 | 14.084 | 19.765 | TB, NB, H.Nam... |
| 6 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 33.297 | 22.404 | 10.893 |  | 16.299 | -73.146 | 37.538 | Các tỉnh Bắc Bộ |
| 7 | Bệnh bạc lá lúa | 17.186 | 15.472 | 1.714 |  | -6.910 | -9.676 |  | ST, KG, LA, ĐT, ĐN, HG, ĐB, PT, HY |
|  | Bệnh đốm sọc vi khuẩn | 4.654 | 3.962 | 692 |  | 2.619 | -2.010 | 2.570 | Các tỉnh Bắc bộ và BTB |
| 8 | Bệnh VL-LXL | 158 | 158 |  |  | 0,00 | -1.875 |  | KG |
| 9 | Bệnh lùn sọc đen | 723,2 | 662,1 | 61,1 |  | 273,1 | -13141,2 |  | NA, QB, QT, NB, BK, HP, TB, HB… |
| 10 | Chuột hại lúa | 15.608 | 14.293 | 1.311 | 3,2 | -1.271 | 1.081 |  | Các tỉnh Bắc Bộ |
| 11 | Ốc bươu vàng hại lúa | 1.537 | 1.537 |  |  | 111 | -1.418 |  | Các tỉnh Nam Bộ và DHMT |
| 12 | Bệnh khô vằn hại lúa | 127.069 | 117.881 | 9.188 |  | 9.108 | -5.280 | 118.060 | Các tỉnh Bắc bộ, BTB |
| 13 | Bệnh đen lép hạt lúa | 13.144 | 12.998 | 146 |  | -8.725 | 1.452 |  | Các tỉnh Nam bộ |
| 14 | Chổi rồng nhãn | 4.423 | 3.773 | 650 |  | -108 | -2.206 |  | VL, CT, ĐT, ST,TG, BTr, ĐN, BR-VT |
| 15 | Bệnh đốm nâu thanh long | 7.028 | 6.943 | 85 |  | 286 | 1.651 | 7.244 | BTH, LA, TG, ĐN, BRVT |
| 16 | Bệnh Greening cây có múi | 2.623 | 2.557 | 66 |  | -12 | -478 |  | VL, TG, HG, KG, BP, N.An |
| 17 | Bọ cánh cứng hại dừa | 9.972 | 9.126 | 846 |  | -34 | -1.203 |  | CM, BT, TG, ST, TV, KG, ĐN, HCM |
| 18 | Tuyến trùng hại tiêu | 4.423 | 3.796 | 627 |  | -123 | -985 | 1.724 | BĐ, PY, GL, Đ.Lăk, Đ.Nông, LĐ |
| 19 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 5.324 | 3.893 | 1.431 |  | -254 | 337 |  | GL, ĐL, Đ.Nông, BTh, LĐ… |
| 20 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 1.960 | 879 | 1.081 |  | 51 | 999 | 1.047 | G.L, Đ.Lăk, Đ.Nông, L.Đ, BP… |
| 21 | Bệnh khô cành cà phê | 12.722 | 12.650 | 72 |  | 640 | -341 | 11.161 | G.Lai, Đ.Lăk ,L.Đồng, ĐNai |
| 22 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 8.191 | 8.161 | 30 |  | -430 | 632 | 10.447 | G.Lai, Đ.Lăk ,L.Đồng, K.Hòa |
| 23 | Bọ xít muỗi hại cà phê | 4.894 | 3.779 | 1.115 |  | -224 | 2.654 | 3.282 | L.Đồng |
| 24 | Bọ xít muỗi hại chè | 2.975 | 2.975 |  |  | -241 | -1.008 | 1.319 | PT, TN, YB, LĐ, GL |
| 25 | Bệnh khảm lá virus sắn (mì) | 21.726 | 14.988 | 6.737 |  | -1.232 | 16.855 | 191 | TN, BP, BD, BRVT, ĐN, HCM, ĐLak, BTh, NTh |
| 26 | Châu chấu tre | 114 | 114 |  |  | -60 | -76,8 |  | ĐB,CB,SL… |

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**